

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Tuyết Mai.

+ Bà Đặng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ngô M, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Đ trình bày: Bà và ông Ngô M tự nguyện kết hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Ngô M có hành vi bạo lực gia đình, nên hai bên ly thân đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô M.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ngô K, sinh ngày 07/7/2012 và Ngô T, sinh ngày 23/10/2016. Khi ly hôn, bà nuôi con chung tên Ngô T, ông Ngô M nuôi con chung tên Ngô K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

* Tại bản khai ngày 16 tháng 6 năm 2020 và quá trình tố tụng, bị đơn Ngô M trình bày: Ông và bà Phạm Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên do bất đồng quan điểm sống, ông có hành vi đánh bà Phạm Đ 02 lần do bà ấy có hành vi nói dối với gia đình. Theo yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Đ, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, ông sẽ khắc phục những bất đồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Ông và bà Phạm Đ có 02 con chung tên Ngô K, sinh ngày 07/7/2012 và Ngô T, sinh ngày 23/10/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao con chung tên Ngô T cho bà Phạm Đ nuôi, ông trực tiếp nuôi con chung tên Ngô K sau khi ly hôn. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông và bà Phạm Đ không có tài sản chung.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Đ, cho bà Phạm Đ ly hôn với ông Ngô M, giao con chung Ngô T, sinh ngày 23/10/2016 cho bà Phạm Đ nuôi, giao con chung Ngô K, sinh ngày 07/7/2012 cho ông Ngô M nuôi sau khi ly hôn, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Trong quá trình tố tụng, bà Phạm Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 18/5/2020; bản sao Sổ HKTT của Phạm Đ; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Phạm Đ; bản sao Trích lục kết hôn; bản sao các Giấy khai sinh của con chung; Đơn xin xác nhận nơi cư trú. Ông Ngô M cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: không có. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản ghi lời khai của ông Ngô M; Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Phạm Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Ngô M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Đ và ông Ngô M kết hôn năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang số 20 ngày 19/3/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Ngô M có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy, ông Ngô M đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Phạm Đ và ông Ngô M có 02 con chung tên Ngô K, sinh ngày 07/7/2012 và Ngô T, sinh ngày 23/10/2016. Trong quá trình tố tụng, bà Phạm Đ và ông Ngô M thống nhất giao con chung tên Ngô K cho ông Ngô M nuôi, giao con chung tên Ngô T cho bà Phạm Đ nuôi sau khi ly hôn, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự tự nguyện của hai bên đương sự không trái quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Đ và ông Ngô M không có tài sản chung.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Phạm Đ phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Đ, cho bà Phạm Đ ly hôn với ông Ngô M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Ngô K, sinh ngày 07/7/2012 cho ông Ngô M nuôi sau khi ly hôn; giao con chung tên Ngô T, sinh ngày 23/10/2016 cho bà Phạm Đ nuôi sau khi ly hôn. Bà Phạm Đ và ông Ngô M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Phạm Đ và ông Ngô M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Đ và ông Ngô M không có tài sản chung.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Đ phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Phạm Đ đã nộp (biên lai thu số 0000713 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Đ và ông Ngô M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy